

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 11/06/2021

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự

2. Ông Vũ Đức Bính

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021 về việc: Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/ QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Kim N – sinh năm 1991; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T – sinh năm 1986; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Tạ Thị Kim N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp và không có con chung. Mặt khác anh T cũng thường xuyên chơi bời và không tu trí làm ăn. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên tháng 12 năm 2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Y để ở. Từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thành T hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị Y ở xóm A, xã V, huyện K tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Thành T và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T thông qua mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị Y. Anh T đã biết việc chị Ngân khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh T không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị Kim N ly hôn anh Nguyễn Thành T.
- Án phí: Chị Tạ Thị Kim N nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tạ Thị Kim N có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Tạ Thị Kim N, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Kim N và anh Nguyễn Thành T kết hôn với nhau ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị Kim N và anh Nguyễn Thành T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp và không có con chung, mặt khác anh Trung chơi bời không tu trí làm ăn. Tháng 12 năm 2019 chị Ngân đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về phía anh T sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T nhưng anh T không hợp tác và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cũng như đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Điều đó thể hiện anh T không thiện chí cũng như không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm và về đoàn tụ.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở xóm A, xã V xác định: Chị Tạ Thị Kim N và anh Nguyễn Thành T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi cưới anh chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T, quá trình sinh sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn do anh T không tu trí làm ăn chăm lo cho gia đình mà chơi bời và nợ nần. Khoảng cuối năm 2019 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị không còn sống chung với nhau ở xã V nữa.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã V xác định: Chị Tạ Thị Kim N và anh Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng ông L, bà Y là bố mẹ đẻ anh T ở xóm A. Vợ chồng anh chị N sống với nhau đến khoảng cuối năm 2019 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị không còn sống chung với nhau nữa. Nay chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan hệ hôn nhân gia đình hạnh phúc hay không dựa trên nền tảng tình cảm vợ chồng. Việc anh chị mâu thuẫn sống ly thân nhau hơn một năm và vợ chồng không có con chung để đảm bảo hạnh phúc gia đình. Khi Tòa án tiến hành các thủ tục đề hòa giải thì anh T không có mặt điều đó thể hiện việc anh T không thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị N và anh T không có con chung và tài sản chung. Nay ly hôn chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem, xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Tạ Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Kim N và anh Nguyễn Thành T được ly hôn.

2/ Về án phí: Chị Tạ Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002538 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Y, huyện Y.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Trần Thị Khanh**